

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HƯNG  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 18/8/2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đình Cự và bà Nguyễn Thị Vĩnh

*Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà 102, khu đô thị A, tổ B, phường THĐ, thành phố TB, tỉnh TB

**Bị đơn:** Anh Mai Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn LT, xã HG, huyện ĐH, tỉnh TB

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ngày 08/4/2022 và trong quá trình tố tụng chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh T kết hôn do tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2019 tại UBND phường THĐ, thành phố TB, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở thành phố TB, vợ chồng sống hòa thuận đến ngày 10/8/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, anh T đi làm ăn ở HN thỉnh thoảng mới về.

Tháng 3/2021 khi chị N có thai 04 tháng chị bị sảy thai từ đó vợ chồng mâu thuẫn càng tăng, từ đó anh T đi làm không về chung sống với chị N nữa và không quan tâm gì đến chị N, chị N dù có gọi điện nhắn tin thì anh T cũng không

trả lời. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Nay chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm xin được ly hôn anh T.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/7/2022 anh Mai Văn T trình bày:

Anh T và chị N kết hôn tự nguyện vào ngày 23/7/2019 tại UBND phường THĐ, vợ chồng sinh sống đến tháng 3/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau và thường cãi vã nhau, từ tháng 3/2021 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị N xin ly hôn anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Anh T đã nhận được các văn bản như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải tiếp cận công khai chứng cứ về việc chị N xin ly hôn anh, nhưng do công việc bận mãi nên anh không đến Tòa trình bày theo đúng thời gian Tòa án triệu tập được. Do công việc bận mãi nên anh T xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N và anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay chị N và anh T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị N xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của N, xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị N và anh T không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Mai Văn T.

2/ Về con chung: Chị N và anh T không có con chung.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000 3111 ngày 14/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH thành tiền án phí .

5/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận :**

- Các đương sự
- VKS huyện Đông Hưng
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Thi hành án dân sự ĐH
- UBND phường THĐ
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa  
***Đã ký***

**Hà Thị Nhung**